

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2017

*“V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”*

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Phan Văn Chiếu.**
- 2. Ông Trần Thanh Tuấn.**

Thư ký Tòa án: Ông Ngô Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Ông Trương Quốc Tuấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 và ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2017/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017, về việc: *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Ng.T - sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Trần C.D - sinh năm 1992.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp L, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đoàn V.L – sinh năm 1970.

Bà Trần T.Q – sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp L, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ông **Trần V.D** - sinh năm 1955.

Bà **Nguyễn Ng.Nh** - sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 có mặt các đương sự: Đoàn Ng.T, Trần C.D, Trần V.D, Nguyễn Ng.Nh, Đoàn V.L và Trần T.Q.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 có mặt các đương sự: Đoàn Ng.T, Trần V.D, Nguyễn Ng.Nh, Đoàn V.L và Trần T.Q. Ông Trần V.D có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn chị Đoàn Ng.T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D sống chung từ năm 2013 và ly hôn theo Bản án phúc thẩm số 57 ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ngày 20/4/2015 sống chung lại và có đăng ký kết hôn, do bị anh D đánh phải nằm viện nên chị và anh D đã ly thân từ ngày 25/3/2017 cho đến nay. Chị T cho rằng không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh D được, nên xin ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị và anh D không có con nuôi, không có con riêng, chỉ có 01 con chung tên Trần C.T sinh ngày 14/5/2014 đang sống chung chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật kể từ ngày từ ngày ly thân là ngày 25/3/2017 đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị T xác định chị và anh D có các tài sản chung gồm 01 căn nhà cất trên đất ông L bà Q, căn nhà do chị T quản lý; Tài sản còn lại như 01 dàn karaoke, 01 tủ lạnh, 01 tủ thuốc, 01 xe hiệu Taurus, 01 nồi cơm điện, 01 bếp gass do anh D quản lý. Chị T yêu cầu chia đôi tài sản chung, xin nhận căn nhà và giao tài sản còn lại cho anh D

- Về tài sản riêng: Chị T yêu cầu anh D giao trả cho chị T 02 chỉ 05 phân vàng 24k là tài sản riêng của chị T.

- Ngày 04 tháng 7 năm 2017 chị T rút yêu cầu đối với 02 chỉ 05 phân vàng 24k; Ngày 31 tháng 7 năm 2017 chị T rút yêu cầu đối với chiếc xe gắn máy hiệu TauRus.

- Chị T và anh D không có nợ chung.

**** Bị đơn anh Trần C.D trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thống nhất với trình bày của chị T về hôn nhân, anh D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về quan hệ con chung: Anh D thống nhất trình bày của chị T về con chung, anh D không đồng ý giao con cho anh D nuôi mà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh D xác định anh D và chị T chỉ có tài sản chung là 05 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k do chị T quản lý, 01 nội cơm điện và 01 bếp gass do anh D quản lý. Còn các tài sản như: Căn nhà cất trên đất ông L, bà Q, chiếc xe, dàn karaoke là của ông D và bà Nhà; tủ lạnh và tủ thuốc là tài sản riêng của anh D.

- Chị T và anh D không có nợ chung.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần T.Q trình bày:** Bà yêu cầu chị T và anh D tháo dỡ căn nhà cất trên đất để trả đất cho bà. Ngày 31 tháng 5 năm 2017 bà Q rút yêu cầu độc lập đối với chị T và anh D.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn L trình bày:** Ông thống nhất việc bà Q rút yêu cầu độc lập đối với chị T và anh D.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần V.D trình bày:** Đầu năm 2015 ông có mua vật liệu xây dựng để cất nhà cho chị T và anh D ở. Nay chị T và anh D ly hôn, ông D yêu cầu được lấy căn nhà lại. Đối với dàn Karaoke và chiếc xe máy là của ông D và bà N; Tủ lạnh và tủ thuốc là tài sản riêng của anh D do ông D và bà N cho tiền để chị T và anh D đi mua.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ng.Nh trình bày:** Bà N thống nhất với yêu cầu và trình bày của ông D.

*** Tại phiên tòa ngày 14 tháng 9 năm 2017:**

- Các đương sự giữ nguyên yêu cầu và ý kiến.

- Ông D xác định ông rút yêu cầu đòi căn nhà đối với chị T và anh D, giao căn nhà này cho chị T và anh D chia khi ly hôn. Việc rút yêu cầu của ông D được bà N đồng ý.

- Anh D cung cấp tài liệu chứng cứ mới đối với 05 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k.

*** Tại phiên tòa ngày 29 tháng 9 năm 2017**

- Các đương sự giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như phiên tòa ngày 31 tháng 8 năm 2017

- Chị T và anh D xác định tài sản chung của anh chị gồm có: 01 căn nhà cất trên đất bà Q và anh L do chị , 01 tủ lạnh và 01 tủ thuốc, thống nhất chia đôi tài sản này.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Ng.T và anh Trần C.D.

+ Giao cháu Trần C.T sinh ngày 14 tháng 5 năm 2014 cho chị T tiếp tục nuôi, buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T.

+ Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu của chị T đối với 02 chỉ 05 phân vàng 24k, 01 chiếc xe gắn máy hiệu TauRus và 01 dàn Karaoke với anh D; Đình chỉ yêu cầu của bà Q về đòi đất đối với anh D và chị T; Đình chỉ yêu cầu đòi căn nhà của ông D đối với anh D và chị T; Không chấp nhận yêu cầu của anh D đối với 05 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k.

+ Chia cho chị T được hưởng căn nhà chiều ngang 5,1m dài 11,2m. Kết cấu: Khung và cột bằng cây gỗ địa phương, vách bằng thiết và lưới B40, nền trát xi măng, mái lợp tol xi măng, cất trên đất của ông L và bà Q tọa lạc tại ấp Long Đức, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Chị T đang quản lý căn nhà, nên tiếp tục quản lý sở hữu. Chia cho anh D sở hữu 01 tủ lạnh và 01 tủ thuốc 3.100.000đ. Do chị T được hưởng căn nhà nên buộc chị T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh D số tiền 5.950.000đ.

+ Giao anh D tiếp tục quản lý 01 Bếp gas và nồi cơm điện. Giao chị T tiếp tục quản lý 01 nhà tắm, 01 giếng nước và 01 mô tô.

**** Các tình tiết của vụ án:***

+ Chị Đoàn Ng.T và anh Trần C.D thuận tình ly hôn.

+ Chị T và anh D có một con chung tên Trần C.T sinh ngày 14 tháng 5 năm 2014 đang sống chung chị T, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Cả hai tranh chấp nuôi con chung.

+ Chị T và anh D xác định căn nhà, tủ lạnh và tủ thuốc là tài sản chung của chị và anh D. Ông D rút yêu cầu căn nhà và giao cho anh D cùng chị T chia khi ly hôn, bà N đồng ý.

+ Anh D xác định chị T quản lý tài sản chung là 05 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k. Chị T không thừa nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Chị T cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D, yêu cầu nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Tại phiên tòa ngày 14 tháng 9 năm 2017 có đủ mặt các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 29 tháng 9 năm 2017 ông D có đơn yêu cầu vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của chị T về hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị T yêu cầu ly hôn và anh D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Ng.T và anh Trần C.D.

[4] Về con chung:

- Về quyền nuôi con chung: Chị T và anh D có một con chung là cháu Trần C.T, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2014. Từ khi chị T và anh D ly hôn đến nay cháu T đã có cuộc sống chung ổn định với chị T, cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Để đảm bảo cuộc sống bình thường của cháu T không bị xáo trộn, nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh D không trực tiếp nuôi con, nên buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T theo yêu cầu của chị T. Anh D và chị T không thỏa thuận được thời gian cấp dưỡng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 82, 107 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T theo phương thức định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 650.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2017 đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản:

- Chị T rút yêu cầu đòi với 02 chỉ 05 phân vàng 24k, rút yêu cầu đòi với chiếc xe hiệu TauRus và 01 dàn Karaoke. Việc chị T rút yêu cầu là do chị T tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 và 218 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ yêu cầu của chị T đòi với 2,5 chỉ vàng 24k, 01 chiếc xe taurus và 01 dàn karaoke.

- Ông D rút yêu cầu đòi căn nhà đòi với chị T và anh D, đồng thời xác định căn nhà là tài sản của chị T và anh D, bà N thống nhất việc ông D rút yêu cầu đòi

nhà đối với chị T và anh D, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 và 218 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ yêu cầu của ông D về căn nhà đối với chị T và anh D.

- Bà Q rút yêu cầu đòi đất đối với chị T và anh D, ông L thống nhất việc bà Q rút yêu cầu này, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 và 218 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ yêu cầu của bà Q đối với chị T và anh D.

- Các tài sản còn lại như căn nhà cất trên đất ông L và bà Q, 01 tủ lạnh và 01 tủ thuốc được anh D và chị T xác định là tài sản chung và đồng ý chia đôi. Thỏa thuận giao nhà cho chị T và anh D nhận tủ thuốc và tủ lạnh, do đây là sự tự nguyện của chị T và anh D nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao căn nhà trị giá 15.000.000đ cho chị T quản lý sở hữu. Về tủ lạnh và tủ thuốc trị 3.100.000đ do anh D quản lý nên giao anh D tiếp tục quản lý sở hữu, buộc chị T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh D số tiền 5.950.000đ.

- Xét yêu cầu chia 05 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k của anh D đối với chị T: Chị T xác định chị T và anh D không có tài sản chung là 05 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k và chị T cũng không có quản lý số vàng này. Anh D cung cấp hình ảnh chị T có đeo vàng và cung cấp người làm chứng có biết việc chị T và anh D sắm vàng và biết chị T đeo vàng. Tuy nhiên anh D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc và thời gian chụp của các bức ảnh mà anh D cung cấp; Đối với những người làm chứng mà anh D cung cấp, Tòa án cũng đã trực tiếp xác minh nhưng không chứng minh được chị T và anh D có tài sản là 05 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k và cũng không chứng minh được chị T đang quản lý số vàng này. Do chị T không thừa nhận yêu cầu của anh D, anh D cũng không chứng minh được yêu cầu của anh là có căn cứ và hợp pháp, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

- Về tài sản không tranh chấp: Bếp gass và nồi cơm điện anh D quản lý giao anh Tiếp quản lý. Nhà tắm và giếng nước + Môtơ chị T quản lý giao chị T tiếp tục quản lý.

[6] Về nợ: Chị T và anh D không có nợ chung, không có nợ riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí:

- Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, án phí đối với trị giá tài sản được hưởng là $9.050.000đ \times 5\% = 452.500đ$

- Anh D phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ, án phí đối với trị giá tài sản được hưởng là $9.050.000đ \times 5\% = 452.500đ$

- Các đương sự khác không phải chịu án phí.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 1.000.000đ. Chị T và anh D mỗi người phải chịu 1/2 chi phí là 500.000đ.

Các đương sự còn lại không phải chịu chi phí tố tụng. Chị T và ông D mỗi người đã nộp 500.000đ và đã chi xong. Chị T không phải nộp thêm, buộc anh D nộp 500.000đ để hoàn trả cho ông D.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 55, 81, 82, 83, 107, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Ng.T và anh Trần C.D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần C.T, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2014 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần C.D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần C.T, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2014, theo phương thức định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 650.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày từ ngày 25 tháng 3 năm 2017 dương lịch đến khi cháu T 18 tuổi.

4. Về tài sản chung:

- Đình chỉ yêu cầu của chị của chị Đoàn Ng.T 02 chỉ 05 phân vàng 24k, 01 chiếc xe gắn máy hiệu TauRus và 01 dàn Karaoke.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Trần V.D về việc yêu cầu chị T và anh D tháo dỡ căn nhà trả cho ông D.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Trần T.Q về việc yêu cầu chị T và anh D tháo dỡ nhà trả đất cho bà Q.

- Chia cho chị T được hưởng căn nhà chiều ngang 5,1m dài 11,2m. Kết cấu: Khung và cột bằng cây gỗ địa phương, vách bằng thiết và lưới B40, nền trát xi măng, mái lợp tol xi măng, cất trên đất của ông L và bà Q tọa lạc tại ấp Long Đức, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Chị T đang quản lý căn nhà, nên tiếp tục quản lý sở hữu.

- Chia cho anh D sở hữu 01 tủ lạnh và 01 tủ thuốc 3.100.000đ. Anh D đang quản lý tài sản này nên được tiếp tục quản lý sở hữu.

- Do chị T được hưởng căn nhà nên buộc chị T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh D phần chênh lệch giá trị tài sản số tiền là 5.950.000đ.

- Giao anh D tiếp tục quản lý 01 Bếp gas và nồi cơm điện. Giao chị T tiếp tục quản lý 01 nhà tắm, 01 giếng nước và 01 mô tô.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh D về việc yêu cầu chia 05 chỉ 24k và 06 chỉ vàng 18k đối với chị T.

5. Về án phí:

- Buộc chị T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, án phí đối với trị giá tài sản được hưởng là 452.500đ. Chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 987.500đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003039 ngày 07 tháng 4 năm 2017, chuyển thu án phí số tiền 752.500đ, chị T được nhận lại số tiền 235.000đ.

- Buộc D phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ, án phí đối với trị giá tài sản được hưởng là 452.500đ. Anh D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 400.000đ tại biên lai thu số: 0009763 ngày 24 tháng 4 năm 2017, chuyển thu án phí số tiền 400.000đ, anh D phải nộp thêm số tiền 352.500đ.

- Các đương sự khác không phải chịu án phí.

+ Ông D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại biên lai thu số: 0009828 ngày 17 tháng 5 năm 2017, ông D được nhận lại số tiền 300.000đ.

+ Bà Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại biên lai thu số: 0009831 ngày 18 tháng 5 năm 2017, bà Q được nhận lại số tiền 300.000đ.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 1.000.000đ. Buộc chị T và anh D mỗi người chi 500.000đ. Các đương sự còn lại không phải chịu chi phí tố tụng.

Chị T và ông D mỗi người đã nộp 500.000đ. Buộc anh D phải nộp 500.000đ trả cho ông D.

“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự”.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang